

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/NGOCTHOMFOODS/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS

Địa chỉ: Lô E5, Đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

Điện thoại: 0918424325

Email:

Mã số doanh nghiệp: 1102026993

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Áp dụng ISO 22000:2018, số: TQC.03.5758.

Ngày cấp: 25/01/2024. Nơi cấp: TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TAI HEO SỐT THÁI

2. Thành phần:

+ Tai heo sốt thái: Tai heo (80%), muối, đường kính, chất điều vị (INS621), nước, cà chua, sả, tắc, ớt, nước mắm (cá và muối), giấm, chất nhũ hóa (INS471), chất chống đông vón (INS341(i), INS504(i), INS 551), chất bảo quản (INS262(i), INS234), chất điều chỉnh độ acid (INS296).

+ Muối sốt thái: Nước, đường kính, muối, chất điều vị (INS621), cà chua, rễ mùi, ớt, tương cà, đường dextrose, chất điều chỉnh độ acid (INS330), bột chanh nguyên chất, chất chống đông vón (INS551), bột đậu, phẩm màu (INS102), hương chanh tự nhiên, lá chanh, Gôm Xanthan (INS415).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Bảo quản ở nhiệt độ 0⁰C – 4⁰C: 60 ngày kể từ ngày sản xuất.
 - Bảo quản ngăn đá tủ lạnh (-18⁰C): 3 tháng kể từ ngày sản xuất
- Ngày sản xuất xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong bao bì nhựa PA/LLDPE . Cam kết bao bì chứa đựng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

Quy cách bao gói: Đóng gói kín và được hút chân không. Khối lượng tịnh: 250g.

(Hoặc Khối lượng tịnh khác theo nhu cầu khách hàng được thể hiện rõ trên nhãn sản phẩm)

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS



Địa chỉ: Lô E5, Đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

✦ **Tai heo sốt thái:**

- ❖ Chỉ tiêu vi sinh vật: Theo QCVN 8-3:2012/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm:

TT	Sản phẩm	Chỉ tiêu	Kế hoạch lấy mẫu		Giới hạn cho phép (CFU/g)	
			n	c	m	M
3.1	Thịt và sản phẩm chế biến từ thịt sử dụng trực tiếp không cần xử lý nhiệt	TSVSVHK	5	2	5×10^5	5×10^6
		<i>E. coli</i>	5	2	5×10^1	5×10^2
		<i>Salmonella</i>	5	0	KPH ⁽²⁾	

- ❖ Chỉ tiêu kim loại nặng: Theo QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Cadimi	mg/ kg	0,05
2	Chì	mg/ kg	0,1

✦ **Muối sốt thái:**

- ❖ Chỉ tiêu vi sinh vật dựa theo tiêu chuẩn kỹ thuật nội bộ:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	TSVSVHK	CFU/g	10^4
2	Coliform	CFU/g	10^2
3	E.coli	CFU/g	10
4	S.aureus	CFU/g	10
5	Cl. Perfringens	CFU/g	10
6	<i>Salmonella</i>	/25g	Không phát hiện
7	TSBTNM-M	CFU/g	10^2

- ❖ Chỉ tiêu kim loại nặng: Theo QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Asen	mg/ kg	1,0
2	Cadimi	mg/ kg	1,0
3	Chì	mg/ kg	2,0
4	Thủy ngân	mg/ kg	0,05

- ❖ Chỉ tiêu độc tố vi nấm trong thực phẩm: theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/ kg	5
2	Aflatoxin tổng số	µg/ kg	10
3	Ochratoxin A	µg/ kg	30

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Long An, ngày 18 tháng 03 năm 2025

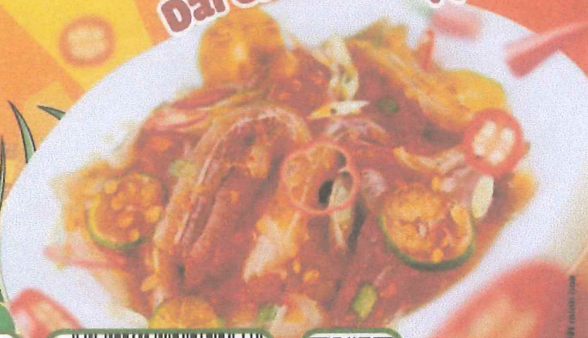
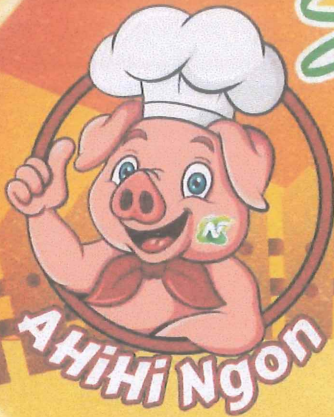


 Nguyễn Thanh Hoàng

Tai Heo

Sốt Thái

Dai Giòn Sần Sật



Khối lượng tịnh
250 g



Hình ảnh trên bao bì là minh chứng cho chất lượng sản phẩm

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm để ăn vì chưa được rửa sạch. Không dùng với người có bệnh mãn tính hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩm. Sau khi cắt bao bì thì bảo quản ở nhiệt độ từ lạnh và sử dụng hết trong 24 giờ.

Thành Phần: + Tai heo sốt thái; Tai Heo (80%), muối, đường, tinh bột, chất điều vị (INS 621), nước, cà chua, sả, tỏi, ớt, nước mắm (cà và muối, giấm, chất nhũ hóa (INS 471), chất chống đông vón (INS 341), INS 504), INS 551, chất bảo quản (INS 262), INS 234, chất điều chỉnh độ acid (INS 296).

+ Maltose (tinh bột, nước, đường kính, muối, chất điều vị (INS 621), cà chua, ớt, tỏi, tương cà, đường, đường, chất điều chỉnh độ acid (INS 330), bột chanh nguyên chất, chất chống đông vón (INS 551), bột dầu, phẩm màu (INS 102), hương chanh tự nhiên, lá chanh, Gôm, Xanthan (INS 465).

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp sau khi mở bao bì. **Ngày sản xuất, hạn sử dụng:** Xem trên bao bì sản phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ 0 °C - 4 °C, 60 ngày kể từ ngày sản xuất.

Bao quản ngon đã từ lạnh (-18 °C), 3 tháng kể từ ngày sản xuất.

Chịu trách nhiệm về chế độ lượng sản phẩm và sản xuất tại: **Phân phối tại:** Công Ty TNHH M&T Thành Viên Thương Mại Và Dịch Vụ Ngạc, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hotline: 0909 09 79 25. Website: ngacthom.com.vn. Fanpage: www.facebook.com/NgacThomFoodAndBeverages.

Gua trị dinh dưỡng trung bình trong 100g	Carbohydrate: 6,96 g	Chất đạm: 19,7 g
Năng lượng: 165 kcal	Bột tổng: 6,27 g	Nước: 627 mg



Testing Report / Phiếu kết quả thử nghiệm

WON: FST250304379-2

Date/ Ngày: 07-Mar-2025

Client's name (Tên khách hàng)	:	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS
Name of sample provided by client (Tên mẫu được khách hàng cung cấp)	:	Tai heo sốt thái
Sample description (Mô tả mẫu)	:	Sample in plastic box/ Mẫu đựng trong hộp nhựa
Source of sample (Nguồn mẫu)	:	Sample was submitted by client/ Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng
Date of receiving (Ngày nhận mẫu)	:	03-Mar-2025
Date of testing (Ngày thử nghiệm)	:	04-Mar-2025

Testing Results / Kết quả thử nghiệm

No./ STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	Method / Phương pháp
1	TPC (30°C)	CFU/g	5.9x10 ²	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022

Note / Ghi chú:

- This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ Giám Đốc



CÔNG TY TNHH
INTERTEK VIỆT NAM
- CHI NHÁNH
CẦN THƠ
Q. CÁI RĂNG TP. CẦN THƠ

Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13, Nam Song Can Tho RZ,
Thanh Thuan Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn



Effective date: 15/01/2024

Testing Report / Phiếu kết quả thử nghiệm

Client's name (Tên khách hàng) : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS
 Name of sample provided by client : TAI HEO SỐT THÁI
 (Tên mẫu được khách hàng cung cấp)
 Sample description (Mô tả mẫu) : Sample in plastic bag/ Mẫu đựng trong túi nhựa
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample was submitted by client/
 Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng
 Date of receiving (Ngày nhận mẫu) : 03-Mar-2025
 Date of testing (Ngày thử nghiệm) : 03-Mar-2025

Testing Results / Kết quả thử nghiệm

No./ STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Method / Phương pháp
1	Energy/ Năng lượng ^(Δ)	kcal/100g	165	-	FST-WI08 chapter 111 (2024) Calculate from testing: Available Carbohydrate, fat, protein
2	Protein (N*6.25)/ Hàm lượng đạm (N*6.25)	g/100g	15.7	0.10	FST-WI08 chapter 110 (2019) (Ref. TCVN 4593:1988)
3	Available Carbohydrate/ Hàm lượng cacbohydrate hữu hiệu ^(Δ)	g/100g	6.96	0.20	FAO Food and Nutrition paper 77 chapter 2/ section 2.3:2003
4	Total sugar/ Hàm lượng đường tổng số	g/100g	6.34	0.10	FST-WI08 chapter 58 (2019) (Ref. TCVN 4594:1988)
5	Total fat content/ Hàm lượng chất béo tổng số	g/100g	8.27	0.10	FST-WI08 chapter 27 (Ref. TCVN 4592:1988)
6	Sodium (Na) content/ Hàm lượng Natri (Na)	mg/100g	627	1.00	FST-WI04 chapter 32 (2022) (Ref. AOAC 985.35) (AAS)
7	Lead (Pb) content/ Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.02	AOAC 999.11 (AAS)
8	Cadmium (Cd) content/ Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.005	AOAC 999.11 (AAS)



This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13, Nam Song Can Tho RZ,
Thanh Thuan Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
 Email: cs.cantho@intertek.com
 Website: www.intertek.com / www.intertek.vn



WON: FST250304345-3
Date/ Ngày: 11-Mar-2025

No./ STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Method / Phương pháp
9	Mercury (Hg) content/ Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.008	FST-WI04 chapter 02 (2022) (Ref. AOAC 974.14) (AAS)
10	Borax/ Hàm lượng hàn the	g/100g	Not detected Không phát hiện	0.10	AOAC 970.33
11	<i>E.coli</i>	CFU/g	<10	-	ISO 16649-2: 2001
12	<i>Salmonella</i> spp.	/25g	Not detected Không phát hiện	-	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020

Note / Ghi chú:

- This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- LOD: Limit of detection/ Giới hạn phát hiện.
- LOQ: Limit of quantification/ Giới hạn định lượng.
- According to the test method of Microbiology, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony/ Theo Phương pháp thử của vi sinh, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.
- All parameters were accredited ISO/IEC 17025 by BoA or AOAC (symbol (Δ)) after the parameters are accredited ISO/IEC 17025 by AOAC, except for the parameters marked with an asterisk (*)/ Tất cả các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025 bởi BoA hoặc AOAC (ký hiệu (Δ)) sau chỉ tiêu là được công nhận ISO/IEC 17025 bởi AOAC, ngoại trừ những chỉ tiêu được đánh dấu (*).



On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ Giám Đốc

 CAO VIỆT THANH

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13, Nam Song Can Tho RZ, Thanh Thuan Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
 Email: cs.cantho@intertek.com
 Website: www.intertek.com / www.intertek.vn



Effective date: 15/01/2024

Testing Report / Phiếu kết quả thử nghiệm

Client's name (Tên khách hàng) : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS
 Name of sample provided by client (Tên mẫu được khách hàng cung cấp) : Muối sốt thái
 Sample description (Mô tả mẫu) : Sample in plastic bag/ Mẫu đựng trong túi nhựa
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample was submitted by client/ Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng
 Date of receiving (Ngày nhận mẫu) : 07-Mar-2025
 Date of testing (Ngày thử nghiệm) : 08-Mar-2025

Testing Results / Kết quả thử nghiệm

No./STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Method / Phương pháp
1	Energy ^(Δ)	kcal/100g	243	-	FST-WI08 chapter 111 (2024) Calculate from testing: Available Carbohydrate, fat, protein
2	Protein (N*6.25)	g/100g	1.31	0.10	FST-WI08 chapter 110 (2019) (Ref. TCVN 4593:1988)
3	Available Carbohydrate ^(Δ)	g/100g	58.6	0.20	FAO Food and Nutrition paper 77 chapter 2/ section 2.3:2003
4	Total sugar	g/100g	50.5	0.10	FST-WI08 chapter 58 (2019) (Ref. TCVN 4594:1988)
5	Total fat content (acid hydrolysis method)	g/100g	0.39	0.10	FST-WI08 chapter 27 (Ref. TCVN 4592:1988)
6	Sodium (Na) content	mg/100g	2,080	1.00	FST-WI04 chapter 32 (2022) (Ref. AOAC 985.35) (AAS)
7	Aflatoxin B1	µg/kg	Not detected	1.00	FST-WI01 Chapter 14-2 (2022) (LC-MS/MS)
8	Aflatoxin (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	Not detected	1.00	FST-WI01 Chapter 14-2 (2022) (LC-MS/MS)
9	Ochratoxin A	µg/kg	Not detected	0.50	FST-WI01 chapter 39 (2019) (Ref. AOAC 2004.10) (LC-MS/MS)
10	Lead (Pb) content	mg/kg	Not detected	0.02	AOAC 999.11 (AAS)
11	Cadmium (Cd) content	mg/kg	Not detected	0.005	AOAC 999.11 (AAS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13, Nam Song Can Tho RZ, Thanh Thuan Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
 Email: cs.cantho@intertek.com
 Website: www.intertek.com / www.intertek.vn





WON: FST250304837-3
Date/ Ngày: 17-Mar-2025

No./STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Method / Phương pháp
12	Arsenic (As) content	mg/kg	Not detected	0.02	FST-WI04 chapter 09 (2022) (Ref. AOAC 986.15) (AAS)
13	Mercury (Hg) content	mg/kg	Not detected	0.008	FST-WI04 chapter 02 (2022) (Ref. AOAC 974.14) (AAS)
14	Coliforms	CFU/g	<10	-	ISO 4832:2006
15	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	<10	-	ISO 15213-2:2023
16	Yeasts and Moulds	CFU/g	<10	-	ISO 21527-1: 2008
17	<i>E.coli</i>	CFU/g	<10	-	ISO 16649-2: 2001
18	TPC (30°C)	CFU/g	3.6x10 ³	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
19	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	<10	-	AOAC 975.55
20	<i>Salmonella</i> spp.	/25g	Not detected	-	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020

Note / Ghi chú:

- This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
- LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
- LOQ: Limit of quantification/ *Giới hạn định lượng.*
- According to the test method of Microbiology, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony/ *Theo Phương pháp thử của vi sinh, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.*
- All parameters were accredited ISO/IEC 17025 by BoA or AOSC (symbol Δ) after the parameters are accredited ISO/IEC 17025 by AOSC, except for the parameters marked with an asterisk (*)/ *Tất cả các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025 bởi BoA hoặc AOSC (ký hiệu Δ) sau chỉ tiêu là được công nhận ISO/IEC 17025 bởi AOSC, ngoại trừ những chỉ tiêu được đánh dấu (*).*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ Giám Đốc



Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13, Nam Song Can Tho RZ, Thanh Thuan Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

